TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q.THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29.9.2017
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ – TP.ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ và bà Nguyễn Thị Hồng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29.9.2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017; theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 345/2017/QĐXX-ST ngày 30.8.2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14.9.2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ 90 phường T, quận T, Tp Đà Nẵng. Chị Thủy có mặt.

- **Bị đơn:** Anh **Phạm Phú T**, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Tổ 90 phường T, quận T, Tp Đà Nẵng. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn trình bày và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phạm Phú T đăng ký kết hôn vào ngày 13.02.2004 tại UBND phường Hòa T, quận H, TP Đà Nẵng. Sau 13 năm chung sống, tuy có những phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đều cố gắng khắc phục duy trì, tuy nhiên đến tháng 05 năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị T thì anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột gây gổ, từ đó làm cho cuộc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị và anh T đã

sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc cho ai. Vì vậy, chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T xác định có ba con chung gồm: Nguyễn Quách H, sinh năm: 1999 (đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết), Phạm Phú H, sinh ngày: 16.02.2005, Phạm Thị Như M, sinh ngày: 26.8.2006. (Hiện cả hai con đang ở với chị T)

Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến tuổi thành niên, đồng thời không yêu cầu anh Thịnh thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung : Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Phú T theo đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh và chị T được trình bày như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T đăng ký kết hôn vào ngày 13.02.2004 tại UBND phường Hòa T, quận H, TP Đà Nẵng. Sau 13 năm chung sống, tuy có những phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đều cố gắng khắc phục duy trì. Tuy nhiên đến tháng 5 năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo anh và chị T đều thừa nhận là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, cả hai không còn tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay.

- Về quan hệ con chung: Anh và chị T đều xác định có ba con chung gồm: Nguyễn Quách H, sinh năm: 1999 (đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết), Phạm Phú H, sinh ngày: 16.02.2005, Phạm Thị Như M, sinh ngày: 26.8.2006.

Thuận tình ly hôn, các bên thỏa thuận giao hai con chung Phạm Phú H, sinh ngày: 16.02.2005, Phạm Thị Như M, sinh ngày: 26.8.2006 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến tuổi thành niên, đồng thời anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị T đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết anh T thay đổi ý kiến không đồng ý thuận tình ly hôn. Mặc dù, đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh không có văn bản ghi ý kiến phản hồi cho Tòa án biết về nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh vẫn vắng mặt nên Tòa án không có căn cứ để xem xét yêu cầu của anh về các mối quan hệ trong hôn nhân mà chị T yêu cầu.

Đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đảm bảo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự quy định, trên cơ sở đó đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Phạm Phú T.

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung gồm Phạm Phú H, sinh ngày: 16.02.2005, Phạm Thị Như M, sinh ngày: 26.8.2006 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến tuổi thành niên. Anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về quan hệ tài sản chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

*** Về tố tụng:**

[1] Bị đơn anh Phạm Phú T mặc dù đã được tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 điều 227 BLTTDS năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phạm Phú Thịnh theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung:**

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phạm Phú T đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 02 năm 2004 tại UBND phường Hòa T, quận H, TP Đà Nẵng chứng cứ chứng minh Giấy chứng nhận kết hôn số 21, Quyển số 1/2004. Đây là cuộc hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật hôn nhân gia đình 2014 quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo lời khai trình bày của nguyên đơn chị T trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay thì: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 90 phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không còn quan tâm gì đến vợ con và gia đình. Vì vậy kể từ tháng 5 năm

2017 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, không ai có trách nhiệm với ai trong cuộc sống, đồng thời chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ đó. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng chị không còn, bản thân chị không còn thương yêu gì anh T nữa, nguyện vọng của chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

Còn đối với anh T theo như đơn yêu cầu thuận tình ly hôn giữa anh và chị T, anh cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý thuận tình ly hôn, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án thì anh thay đổi ý kiến, còn chị T vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với anh. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh đều vắng mặt điều đó chứng tỏ anh không có ý thức trong việc chấp hành pháp luật, là đồng nghĩa với việc anh không còn tha thiết gì đến cuộc sống chung vợ chồng cùng với chị T. Vì lẽ trên, HĐXX xét thấy việc chị T xin ly hôn anh T là chính đáng phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của chị nên cần vận dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị T xác định có ba con chung: Nguyễn Quách H, sinh năm: 1999 (đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giaỉ quyết), Phạm Phú H, sinh ngày: 16.02.2005, Phạm Thị Như M, sinh ngày: 26.8.2006.

Ly hôn, về phía chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung Phạm Phú H, sinh ngày: 16.02.2005, Phạm Thị Như M, sinh ngày: 26.8.2006 sau khi ly hôn, đồng thời không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Còn đối với anh T theo đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn và nuôi con chung anh cũng có nguyện vọng giao hai con chung Phạm Phú H, sinh ngày: 16.02.2005, Phạm Thị Như M, sinh ngày: 26.8.2006 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn và anh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của đương sự thì thấy: Yêu cầu xin được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn của chị T là chính đáng. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung và không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hơn nữa theo đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn và nuôi con chung anh T cũng có nguyện vọng giao hai con chung Phạm Phú H, sinh ngày: 16.02.2005, Phạm Thị Như M, sinh ngày: 26.8.2006 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn và anh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Và thể theo nguyện vọng của hai cháu khi cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của các cháu xin được ở với mẹ. Vì lẽ trên, HĐXX thấy yêu cầu

chị T về việc nuôi con chung là chính đáng phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu nên không đề cập đến. Tuy nhiên về quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Án phí HNGĐ - ST: 300.000đ chị T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Căn cứ Nghị quyết số *326/2016/UBTVQH 14* ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "***Ly hôn***" của chị Nguyễn Thị Minh T đối với anh Phạm Phú T.

Xử:

1/**Về quan hệ hôn nhân**: Cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Phạm Phú T.

2/**Về quan hệ con chung**:

Giao hai con chung Phạm Phú H, sinh ngày: 16.02.2005, Phạm Thị Như M, sinh ngày: 26.8.2006 cho chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Phú T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình.

3. Án phí HNGĐ - ST: 300.000đ chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ 300.000đ chị T và anh T đã nộp theo biên lai thu số 0007351 ngày 29.6.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao kết quả bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng
- VKSND quận Thanh Khê
- Lưu Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Dân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng
TÒA
- Viện KSND quận Thanh Khê
-TANDTP Đà Nẵng
- Lưu Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Phan Vĩnh Chuyển

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng
TÒA
- Viện KSND quận Thanh Khê
-TANDTP Đà Nẵng
- Lưu Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Phan Vĩnh Chuyển

Nơi nhân:
THẨM
- Ng- ời tham gia tố tụng
-Viện KSND quận Thanh Khê
- THA DS quận Thanh Khê
- L- u Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển

Phan Vĩnh Chuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
THẨM
- Ng- ời tham gia tố tụng
-Viện KSND quận Thanh Khê
- THA DS quận Thanh Khê
- L- u Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhân :
- Ng- ời tham gia tố tụng
-Viện KSND quận Thanh Khê
- THA DS quận Thanh Khê
- L- u Hồ sơ

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhân :
- Ng- ời tham gia tố tụng
-Viện KSND quận Thanh Khê
- L- u Hồ sơ

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển

Nơi nhân :
- Ng- ời tham gia tố tụng
- Viện KSND quận Thanh Khê
- L- u Hồ sơ

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**